

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/DS-ST

Ngày: 28-4-2022

*V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp
hụi”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Văn Bình (Châu Vũ Bình)

Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1966 (có mặt);

Trú tại: Số 89, ấp A, xã B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Anh **Đỗ Minh Triều E**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 264, ấp X, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Đỗ Minh Triều E là vợ chồng. Do có mối quan hệ quen biết, chị T1 và anh Triều E có vay tiền của bà T và tham gia chơi hụi do bà T làm chủ, cụ thể:

* Đối với số tiền vay: Chị T1 và anh Triều E vay tiền của bà T nhiều lần và có làm biên nhận mượn tiền (biên nhận chỉ có chị T1 ký tên), thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng (không có ghi trong biên nhận), mục đích vay để chị T1 bổ sung vốn buôn bán, gửi cho người thân ở nước ngoài, cụ thể như sau:

- Ngày 25/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 20/12/2019 dương lịch), bà T cho chị T1 và anh Triều E vay số tiền 350.000.000đồng, hai bên có lập Biên nhận mượn tiền, chị T1 là người ký tên vào biên nhận, thỏa thuận thời hạn vay là 02 năm và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng;

- Ngày 29/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 24/12/2019 dương lịch), bà T cho chị T1 và anh Triều E vay số tiền 100.000.000đồng, hai bên có lập Biên nhận mượn tiền, chị T1 là người ký tên vào biên nhận, thỏa thuận thời hạn vay là 02 năm và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng;

- Ngày 25/12/2019 âm lịch (nhằm ngày 09/01/2020 dương lịch), bà T cho chị T1 và anh Triều E vay số tiền 100.000.000đồng, hai bên có lập Biên nhận mượn tiền, chị T1 là người ký tên vào biên nhận, thỏa thuận thời hạn vay là 04 tháng và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng;

Tổng cộng, bà T cho chị T1 và anh Triều E vay số tiền 550.000.000đồng. Sau khi vay, chị T1 và anh Triều E có đóng lãi cho bà T đến tháng 02/2020 âm lịch (nhằm tháng 03/2020 dương lịch), thì ngưng không đóng lãi nữa. Đến hạn trả tiền thì anh chị cũng không trả tiền cho bà T mặc dù bà T đã đòi nhiều lần.

* Đối với số tiền hụi: Chị T1 và anh Triều E có tham gia chơi 08 dây hụi do bà T làm chủ, cụ thể:

- Dây 1: Hụi 4.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 15/02/2019 âm lịch, mãn hụi ngày 15/10/2020 âm lịch (nhằm ngày 29/11/2020 dương lịch), gồm 21 phần, chị T1 và anh Triều E tham gia 01 phần, anh chị hốt hụi vào kỳ đầu tiên được số tiền 58.000.000đồng, chị T1 có ký nhận đủ tiền. Sau khi hốt hụi, chị T1 và anh Triều E đóng được 12 kỳ hụi chết, còn lại 08 kỳ hụi chết chưa đóng với số tiền 08 kỳ x 4.000.000đồng = 32.000.000đồng.

- Dây 2: Hụi 4.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 15/3/2019 âm lịch, mãn hụi ngày 15/10/2020 âm lịch (nhằm ngày 29/11/2020 dương lịch), gồm 20 phần, chị T1 và anh Triều E tham gia 01 phần, anh chị hốt hụi vào kỳ đầu tiên được số tiền 55.000.000đồng, chị T1 có ký nhận đủ tiền. Sau khi hốt hụi, chị T1 và anh Triều E đóng được 11 kỳ hụi chết, còn lại 08 kỳ hụi chết chưa đóng với số tiền 08 kỳ x 4.000.000đồng = 32.000.000đồng.

- Dây 3, 4, 5, 6: Hụi 3.000.000đồng/tháng, mở cùng ngày 25/6/2019 âm lịch, mãn hụi ngày 25/01/2021 âm lịch (nhằm ngày 08/3/2021 dương lịch), mỗi dây gồm 20 phần. Chị T1 và anh Triều E tham gia mỗi dây 01 phần, anh chị hốt hụi vào kỳ đầu tiên của 04 dây, mỗi dây được 43.150.000đồng, tổng cộng 04 dây được số tiền 172.600.000đồng, chị T1 có ký nhận đủ tiền, do nhiều dây nên hai bên thống nhất ghi chung 01 biên nhận giao hụi tháng 12 triệu đồng (của tổng bốn dây hụi 3, 4, 5, 6). Sau khi hốt hụi, chị T1 và anh Triều E đóng mỗi dây được 08 kỳ hụi chết, còn lại mỗi dây 11 kỳ hụi chết chưa đóng với số tiền $11 \text{ kỳ} \times 04 \text{ dây} \times 3.000.000\text{đồng} = 132.000.000\text{đồng}$.

- Dây 7, 8: Hụi 2.000.000đồng/tháng, mở cùng ngày 15/02/2020 âm lịch, mãn hụi ngày 15/7/2021 (nhằm ngày 22/8/2021 dương lịch), mỗi dây gồm 19 phần. Chị T1 và anh Triều E tham gia mỗi dây 01 phần, anh chị hốt hụi vào kỳ đầu tiên của 02 dây, mỗi dây được 25.910.000đồng, tổng cộng 02 dây được 51.820.000đồng, chị T1 có ký nhận đủ tiền. Sau khi hốt hụi, chị T1 và anh Triều E chưa đóng hụi chết được kỳ nào, còn nợ mỗi dây 18 kỳ hụi chết với số tiền $18 \text{ kỳ} \times 02 \text{ dây} \times 2.000.000\text{đồng} = 72.000.000\text{đồng}$.

Tổng cộng chị T1 và anh Triều E nợ tiền hụi của bà T là 268.000.000đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu chị T1, anh Triều E trả tiền nhưng anh, chị cố tình tránh mặt không trả.

Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T1 cùng chồng là anh Đỗ Minh Triều E có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền vốn vay cùng tiền lãi, tiền hụi cùng tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Đỗ Minh Triều E, chỉ yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả cho bà T số tiền vốn vay cùng tiền lãi, tiền hụi cùng tiền lãi, cụ thể như sau:

- Đối với tiền vay: Bà T yêu cầu chị T1 trả cho bà T số tiền vốn vay là 550.000.000đồng, tính lãi từ tháng 3/2020 đến khi tòa xét xử (28/4/2022) tính tròn 24 tháng với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 109.560.000đồng.

- Đối với tiền hụi:

Bà T yêu cầu chị T1 trả cho bà số tiền nợ hụi là 268.000.000đồng, và tiền lãi cụ thể:

+ Đối với dây hụi 1 và dây hụi thứ 2: Chị T1 còn nợ tổng cộng là 64.000.000đồng. Tính lãi từ ngày mãn hụi là 29/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 17 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 9.030.400đồng;

+ Đối với dây hụi thứ 3, 4, 5, 6: Chị T1 còn nợ tổng cộng là 132.000.000đồng, tính lãi từ ngày mãn hụi là 08/3/2021 đến ngày xét xử sơ

thảm là 13 tháng 20 ngày, nhưng chỉ tính 13 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 14.242.800đồng;

- Đối với dây hui thứ 7, 8: Chị T1 còn nợ tổng cộng là 72.000.000đồng, tính lãi từ ngày mãn hui là 22/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 8 tháng, nhưng chỉ tính 7 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 4.183.200đồng;

Như vậy tổng cộng tiền hui và tiền lãi là 295.453.000đồng

Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/01/2022, anh Đỗ Minh Triều E trình bày:*

Anh Triều E và chị Thanh T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn nhưng đã sống ly thân từ khoảng tháng 3/2020 đến nay. Việc chị T1 làm ăn, mua bán, chơi hui, vay tiền của ai thì anh không biết và cũng không tham gia. Mặc dù là vợ chồng nhưng mỗi người đều có công việc riêng, anh làm công nhân. Do đó, anh hoàn toàn không biết việc chị T1 chơi hui và vay mượn tiền của bà T. Số tiền nợ hoàn toàn không liên quan gì đến anh. Khi còn sống chung thì kinh tế hai vợ chồng cùng lo, từ khi ly thân thì mạnh ai nấy lo, không quan tâm đến nhau. Chị T1 có mở tiệm bán quần áo và việc mua bán này là của cá nhân chị T1, anh không có liên quan và cũng không phụ giúp gì. Việc bà T và những người khác khởi kiện thì đó là nợ của cá nhân chị T1, không liên quan đến anh.

Anh Triều E có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập chị T1 đến tòa để tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa, nhưng chị T1 đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với những người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do là không thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T về việc yêu cầu anh Đỗ Minh Triều E liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả tiền vay và tiền hui cho bà T; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả cho bà T số tiền vốn vay 550.000.000đồng cùng tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ tháng 3/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án và số tiền nợ của các hui là 268.000.000đồng cùng tiền lãi hui với lãi suất 0,83%/tháng theo từng dây hui.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà T yêu cầu chị T1 trả số tiền đã vay cùng tiền lãi với số tiền 659.560.000đồng, tiền hui cùng tiền lãi là 295.453.000đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*” theo quy định tại Điều 463 và Điều 471 Bộ luật dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp X, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, anh Đỗ Minh Triều E có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1, anh Triều E là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đề ngày 21/01/2022 và tại phiên tòa bà T xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Đỗ Minh Triều E, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị Thanh T1, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với anh triều E là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả số tiền vốn vay là 550.000.000đồng, cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ tháng 3/2020 đến ngày tòa án xét xử (28/4/2022) là 24 tháng với số tiền 109.560.000đồng, tổng cộng là 659.560.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với số tiền vốn vay:

Căn cứ vào lời trình bày và các chứng cứ do bà T cung cấp thì:

Vào ngày 25/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 20/12/2019 dương lịch), bà T có cho chị T1 vay 350.000.000đồng, hai bên có lập Biên nhận mượn tiền, chị T1 có ký tên vào biên nhận, thỏa thuận thời hạn vay là 02 năm và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng;

Ngày 29/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 24/12/2019 dương lịch), bà T có cho chị T1 vay 100.000.000đồng, hai bên có lập Biên nhận mượn tiền, chị T1 có ký tên vào biên nhận, thỏa thuận thời hạn vay là 02 năm và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng;

Ngày 25/12/2019 âm lịch (nhằm ngày 09/01/2020 dương lịch), bà T có cho chị T1 vay 100.000.000đồng, hai bên có lập Biên nhận mượn tiền, chị T1 có ký tên vào biên nhận, thỏa thuận thời hạn vay là 04 tháng và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng.

Căn cứ vào các Biên nhận: Biên nhận mượn tiền đề ngày 25 tháng 11 năm 2019 ÂL, Biên nhận mượn tiền đề ngày 29 tháng 11 năm 2019 ÂL, Biên nhận mượn tiền đề ngày 25 tháng 12 năm 2019 ÂL do bà T cung cấp;

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Thanh T1 nhưng chị T1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của bà T. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như chị T1 không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà T.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào ngày 25/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 20/12/2019 dương lịch) bà T có cho chị T1 vay số tiền 350.000.000đồng; Ngày 29/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 24/12/2019 dương lịch) bà T có cho chị T1 vay số tiền 100.000.000đồng và ngày 25/12/2019 âm lịch (nhằm ngày 09/01/2020 dương lịch) bà T có cho chị T1 vay số tiền 100.000.000đồng, tổng cộng là 550.000.000đồng và chị T1 chưa trả số tiền trên cho bà T. Do đó, cần buộc chị Nguyễn Thị Thanh T1 có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay tổng cộng 550.000.000 đồng cho bà Nguyễn Kim T.

[4.2] Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền vay: Bà T tính lãi từ tháng 3/2020 đến ngày Tòa án xét xử (28/4/2022), nhưng chỉ tính tròn đến tháng 3/2022 là 24 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 109.560.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, phía bà T cho rằng, bà T cho chị T1 vay với lãi suất 2%/tháng, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất. Do đó, Tòa án xác định đây là hợp đồng vay không lãi suất. Tuy nhiên, bà T chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà T yêu cầu tính lãi từ tháng 3/2020 đến ngày Tòa án xét xử (28/4/2022), nhưng chỉ tính tròn 24 tháng (tức chỉ tính đến tháng 3/2022), thành tiền là 109.560.000đồng (cách tính như sau: $550.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 24\text{ tháng} = 109.560.000\text{đồng}$), như vậy là đã có lợi cho phía bị đơn. Chị T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của bà T và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà T, buộc chị T1 có nghĩa vụ trả lãi cho bà T với số tiền 109.560.000đồng.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả số tiền hui là 268.000.000đồng cùng tiền lãi là 27.453.000đồng, tổng cộng 295.453.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Đối với số tiền hui:

Căn cứ vào lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp thì chị T1 có tham gia các dây hội do bà T tổ chức, cụ thể: Dây 1: Hội 4.000.000đồng/tháng, mở hội ngày 15/02/2019 âm lịch, mãn hội ngày 15/10/2020 âm lịch (tức ngày 29/11/2020 dương lịch), gồm 21 phần, chị T1 tham gia 01 phần, chị T1 hốt hội vào kỳ đầu tiên được số tiền 58.000.000đồng, chị T1 có ký xác nhận đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt hội, chị T1 đóng được 12 kỳ hội chết, còn lại 08 kỳ hội chết chưa đóng với số tiền 08 kỳ x 4.000.000đồng = 32.000.000đồng.

Dây 2: Hội 4.000.000đồng/tháng, mở hội ngày 15/3/2019 âm lịch, mãn hội ngày 15/10/2020 âm lịch (tức ngày 29/11/2020 dương lịch), gồm 20 phần, chị T1 tham gia 01 phần, chị T1 hốt hội vào kỳ đầu tiên được số tiền 55.000.000đồng, chị T1 có ký tên xác nhận đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt hội, chị T1 đóng được 11 kỳ hội chết, còn lại 08 kỳ hội chết chưa đóng với số tiền 08 kỳ x 4.000.000đồng = 32.000.000đồng.

- Dây 3, 4, 5, 6: Hội 3.000.000đồng/tháng, mở cùng ngày 25/6/2019 âm lịch, mãn hội ngày 25/01/2021 âm lịch (tức ngày 08/3/2021 dương lịch), mỗi dây gồm 20 phần. Chị T1 tham gia mỗi dây 01 phần, chị T1 hốt hội vào kỳ đầu tiên của 04 dây, mỗi dây được 43.150.000đồng, tổng cộng 04 dây được 172.600.000đồng, chị T1 có ký tên xác nhận đã nhận đủ tiền, do nhiều dây hội cùng ngày nên hai bên thống nhất ghi chung 01 biên nhận giao hội tháng 12 triệu đồng (của tổng 04 dây hội: 3, 4, 5, 6). Sau khi hốt hội, chị T1 đóng mỗi dây được 08 kỳ hội chết, còn lại mỗi dây 11 kỳ hội chết chưa đóng với số tiền 11 kỳ x 04 dây x 3.000.000đồng = 132.000.000đồng.

- Dây 7, 8: Hội 2.000.000đồng/tháng, mở cùng ngày 15/02/2020 âm lịch, mãn hội ngày 15/7/2021 âm lịch (tức ngày 22/8/2021 dương lịch), mỗi dây gồm 19 phần. Chị T1 tham gia mỗi dây 01 phần, chị T1 hốt hội vào kỳ đầu tiên của 02 dây, mỗi dây được 25.910.000đồng, tổng cộng 02 dây được 51.820.000đồng, chị T1 có ký tên xác nhận đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt hội, chị T1 chưa đóng hội chết được kỳ nào, còn nợ mỗi dây 18 kỳ hội chết với số tiền 18 kỳ x 02 dây x 2.000.000đồng = 72.000.000đồng.

Tổng cộng chị T1 nợ tiền hội của bà T là 268.000.000đồng.

Đối với mỗi dây hội chị T1 đều có ký tên và xác nhận đã nhận đủ tiền.

Căn cứ vào Biên nhận giao nhận hội tháng bốn triệu đồng (Dây 1) ngày 15/02/2019 ÂL; Biên nhận giao nhận hội tháng bốn triệu đồng (Dây 2) ngày 15/3/2019 ÂL; Biên nhận giao nhận hội tháng 12 triệu đồng ngày 25/6/2019 ÂL; Biên nhận giao nhận hội tháng hai triệu đồng (Dây 1) ngày 15/02/2020 ÂL; Biên nhận giao nhận hội tháng hai triệu đồng (Dây 2) ngày 15/02/2020 ÂL

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T1 nhưng chị T1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của của bà T. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật

Tổ tụng dân sự thì xem như chị T1 không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà T.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T1 có tham gia các dây hụi do bà T tổ chức như trình bày trên, tổng cộng chị T1 còn nợ bà T số tiền 268.000.000đồng và chưa trả số tiền này cho bà T. Do đó cần buộc chị T1 có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hụi là 268.000.000đồng.

[5.2] Đối với yêu cầu tính lãi của các dây hụi:

Đối với dây hụi thứ nhất và dây hụi thứ hai: Bà T yêu cầu tính lãi từ ngày mãn hụi (ngày 29/11/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm là 17 tháng với lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể: $64.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 17\text{ tháng} = 9.030.400\text{đồng}$, nhưng bà T chỉ yêu cầu trả với số tiền 9.027.000đồng;

Đối với dây hụi thứ 3, 4, 5, 6: Bà T yêu cầu tính lãi từ ngày mãn hụi (ngày 08/3/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm là 13 tháng 20 ngày (nhưng bà T chỉ yêu cầu tròn 13 tháng), với lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể: $132.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 13\text{ tháng} = 14.242.800\text{đồng}$;

Đối với dây hụi thứ 7 và dây hụi thứ 8: Bà T yêu cầu tính lãi từ ngày mãn hụi (ngày 22/8/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm là 08 tháng 04 ngày (nhưng bà T chỉ yêu cầu tính 07 tháng), với lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể: $64.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 07\text{ tháng} = 4.183.200\text{đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi của các dây hụi là 27.453.000đồng.

Như vậy, việc bà T yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường. Chị T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của bà T và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà T, buộc chị T1 có nghĩa vụ trả lãi cho bà T với số tiền 27.453.000đồng.

[6] Về thời gian trả tiền: Bà T yêu cầu chị T1 trả tiền vốn vay 550.000.000đồng, tiền lãi của số tiền vay 109.560.000đồng, tiền hụi 268.000.000đồng cùng tiền lãi của số tiền hụi là 27.453.000đồng, tổng cộng là 955.013.000đồng, trả khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Bởi lẽ, chị T1 đã nợ bà T số tiền trên quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, nên Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả cho bà T tổng số tiền 955.013.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Kim T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị T1 phải chịu án phí theo quy định.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, 92, 147, 220, 227, 228, 233, 235, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 465, 466, 471, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T đối với anh Đỗ Minh Triều E về việc bà T yêu cầu anh Đỗ Minh Triều E có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả cho bà T số tiền vốn vay 550.000.000đồng cùng tiền lãi và số tiền hội 268.000.000đồng cùng tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim T số tiền vốn vay là 550.000.000đồng và tiền lãi của số tiền vay là 109.560.000đồng, tiền hội là 268.000.000đồng cùng tiền lãi của số tiền hội là 27.453.000đồng. Tổng cộng là 955.013.000đồng (*Chín trăm năm mươi lăm triệu không trăm mười ba ngàn đồng*).

Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Kim T có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu chị Nguyễn Thị Thanh T1 không trả số tiền trên thì hàng tháng chị T1 phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 40.650.390đồng (làm tròn là 40.650.000đồng) (*Bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Kim T 21.093.000đồng (*Hai mươi một triệu không trăm chín mươi ba ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005169 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang ;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Lĩnh

